

**LĐLĐ TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số: *166* /CDGD

V/v thông báo cấp 0,9% kinh phí
Công đoàn 6 tháng đầu năm 2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Hòa Bình, ngày *09* tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học.

Căn cứ nguồn kinh phí Công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình, Thường trực Công đoàn Giáo dục thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đã cấp 0,9% kinh phí hoạt động Công đoàn tính theo số thu đến hết quý III năm 2015, đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học giao dịch tại Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố để rút kinh phí chi cho hoạt động công đoàn của đơn vị mình (*có danh sách thông báo và số liệu đính kèm*).

2/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp kinh phí hoạt động công đoàn bằng tiền mặt cho những đơn vị chưa có số tài khoản Công đoàn (*có danh sách kèm theo*). Những đơn vị nhận kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại Thường trực Công đoàn ngành từ ngày **17/10/2015** (trước khi đi nhận tiền các đơn vị liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854502)

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGDHB;
- Website ngành;
- Lưu VP, LTTH (08).

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
CẤP 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN QUÝ III/2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1/2015	Đã cấp lần 2/2015	Cấp lần 3/2015	Tổng
1	THPT Lạc Thủy	6,500,000	6,700,000	6,700,000	19,900,000
2	THPT Tân Lạc	6,500,000	250,000	13,450,000	20,200,000
3	THPT Nguyễn Trãi - Lương Sơn	4,600,000	4,680,000	4,820,000	14,100,000
4	THPT Nam Lương Sơn	5,000,000	5,280,000	5,120,000	15,400,000
5	THPT Lạc Thủy B	24,000,000	730,000	0,000	24,730,000
6	THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	2,700,000	3,000,000	3,300,000	9,000,000
7	THPT Thạch Yên - Cao Phong	2,600,000	2,620,000	8,680,000	13,900,000
8	THPT Kỳ Sơn	4,500,000	4,680,000	4,520,000	13,700,000
9	THPT Sào Báy - Kim Bôi	4,600,000	4,800,000	4,700,000	14,100,000
10	THPT 19-5 - Kim Bôi	6,600,000	6,730,000	7,070,000	20,400,000
11	THPT Yên Hoà - Đà Bắc	2,100,000	2,140,000	2,360,000	6,600,000
12	THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	3,200,000	3,390,000	3,410,000	10,000,000
13	THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	3,400,000	3,460,000	3,440,000	10,300,000
14	THPT Yên Thủy B	5,500,000	5,540,000	0,000	11,040,000
15	THPT Đà Bắc	4,800,000	4,780,000	4,720,000	14,300,000
16	THPT Cù Chính Lan - Lương Sơn	13,500,000	0,000	0,000	13,500,000
17	THPT Yên Thủy C	4,100,000	4,180,000	3,720,000	12,000,000
18	THPT Kim Bôi	7,900,000	7,930,000	8,170,000	24,000,000
19	THPT Yên Thủy A	6,800,000	6,880,000	6,720,000	20,400,000
20	THPT Lương Sơn	6,700,000	6,220,000	6,480,000	19,400,000
21	THPT Đoàn Kết - Tân Lạc	4,200,000	4,600,000	4,400,000	13,200,000
22	THPT Lạc Long Quân	4,900,000	10,020,000	7,380,000	22,300,000
23	THPT Mường Bi - Tân Lạc	4,900,000	4,940,000	5,060,000	14,900,000
24	THPT Lạc Sơn	6,400,000	6,460,000	0,000	12,860,000
25	THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	4,900,000	5,100,000	5,300,000	15,300,000
26	THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	3,800,000	4,020,000	2,580,000	10,400,000
27	THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	4,500,000	4,500,000	5,800,000	14,800,000
28	THPT Hoàng Văn Thụ	15,500,000	15,200,000	15,600,000	46,300,000
29	THPT Mai Châu A	6,300,000	6,400,000	6,700,000	19,400,000
30	THPT Mai Châu B	1,900,000	4,580,000	3,320,000	9,800,000
31	THPT Công Nghiệp	8,500,000	8,900,000	0,000	17,400,000
32	THPT Cao Phong	6,500,000	6,380,000	6,220,000	19,100,000
33	PT DTNT THPT tỉnh	10,500,000	10,350,000	10,550,000	31,400,000
34	THPT Lạc Thủy C	4,400,000	4,290,000	4,310,000	13,000,000
35	THPT Ngô Quyền	4,500,000	1,550,000	0,000	6,050,000
36	THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	4,700,000	20,000	10,680,000	15,400,000
37	THPT Lũng Ván - Tân Lạc		4,070,000	0,000	4,070,000
38	PT DTNT THCS Cao Phong	3,800,000	4,040,000	4,160,000	12,000,000
39	PT DTNT THCS Lạc Thủy	2,800,000	3,180,000	2,820,000	8,800,000
40	PT DTNT THCS A Mai Châu	8,000,000	480,000	8,520,000	17,000,000
41	PT DTNT THCS Lạc Sơn	5,000,000	2,555,000	2,645,000	10,200,000
42	PT DTNT THCS Kim Bôi	6,500,000	4,190,000	3,510,000	14,200,000
43	PT DTNT THCS Tân Lạc	4,300,000	1,415,000	5,885,000	11,600,000

44	PT DTNT THCS A Đà Bắc	3,800,000	1,250,000	5,850,000	10,900,000
45	PT DTNT THCS B Mai Châu	7,000,000	60,000	7,140,000	14,200,000
46	PT DTNT THCS Yên Thủy	2,900,000	3,080,000	2,020,000	8,000,000
47	PT DTNT THCS B Đà Bắc	2,500,000	2,540,000	2,460,000	7,500,000
48	TT GDTX Tỉnh		2,020,000	9,880,000	11,900,000
49	TTGDTX Yên Thủy	2,400,000	46,000	4,954,000	7,400,000
50	TTGDTX Kim Bôi	1,800,000	1,970,000	2,130,000	5,900,000
51	TTGDTX Đà Bắc	2,300,000	2,560,000	2,340,000	7,200,000
52	TTGDTX Lạc Thủy	3,400,000	3,420,000	3,380,000	10,200,000
53	TTGDTX Cao phong	2,000,000	2,040,000	2,040,000	6,080,000
54	TTGDTX Lương Sơn		4,220,000	3,580,000	7,800,000
55	TTGDTX Thành Phố	3,500,000	2,470,000	0,000	5,970,000
56	TT Ngoại ngữ - Tin học	2,200,000	2,350,000	2,500,000	7,050,000
57	TTGDTX Mai Châu	2,400,000	2,600,000	2,500,000	7,500,000
58	Trường CĐSP		37,750,000	19,450,000	57,200,000
59	TT Kỹ thuật tổng hợp HN tỉnh	6,500,000	50,000	0,000	6,550,000
60	TH Kinh tế - Kỹ thuật	8,100,000	8,600,000	8,600,000	25,300,000
61	Công đoàn cơ quan Sở GD&ĐT	6,800,000	7,240,000	0,000	14,040,000
62	CĐ trg THCS và THPT Ngọc Sơn	3,000,000	1,850,000	850,000	5,700,000
63	Công ty sách và thiết bị trường học				
	Cộng	313,000,000	287,346,000	292,494,000	892,840,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hường

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

DANH SÁCH
ỦY NHIỆM CHI 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN QUÝ III/2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1/2015	Đã cấp lần 2/2015	Cấp lần 3/2015	Tổng
1	THPT Lạc Thủy	6,500,000	6,700,000	6,700,000	19,900,000
2	THPT Tân Lạc	6,500,000	250,000	13,450,000	20,200,000
3	THPT Nguyễn Trãi - Lương Sơn	4,600,000	4,680,000	4,820,000	14,100,000
4	THPT Lạc Thủy B	24,000,000	730,000	0,000	24,730,000
5	THPT Thạch Yên - Cao Phong	2,600,000	2,620,000	8,680,000	13,900,000
6	THPT Kỳ Sơn	4,500,000	4,680,000	4,520,000	13,700,000
7	THPT 19-5 - Kim Bôi	6,600,000	6,730,000	7,070,000	20,400,000
8	THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	3,200,000	3,390,000	3,410,000	10,000,000
9	THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	3,400,000	3,460,000	3,440,000	10,300,000
10	THPT Yên Thủy B	5,500,000	5,540,000	0,000	11,040,000
11	THPT Cù Chính Lan - Lương Sơn	13,500,000	0,000	0,000	13,500,000
12	THPT Kim Bôi	7,900,000	7,930,000	8,170,000	24,000,000
13	THPT Yên Thủy A	6,800,000	6,880,000	6,720,000	20,400,000
14	THPT Lương Sơn	6,700,000	6,220,000	6,480,000	19,400,000
15	THPT Đoàn Kết - Tân Lạc	4,200,000	4,600,000	4,400,000	13,200,000
16	THPT Lạc Long Quân	4,900,000	10,020,000	7,380,000	22,300,000
17	THPT Mường Bi - Tân Lạc	4,900,000	4,940,000	5,060,000	14,900,000
18	THPT Lạc Sơn	6,400,000	6,460,000	0,000	12,860,000
19	THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	4,900,000	5,100,000	5,300,000	15,300,000
20	THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	3,800,000	4,020,000	2,580,000	10,400,000
21	THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	4,500,000	4,500,000	5,800,000	14,800,000
22	THPT Hoàng Văn Thụ	15,500,000	15,200,000	15,600,000	46,300,000
23	THPT Mai Châu A	6,300,000	6,400,000	6,700,000	19,400,000
24	THPT Mai Châu B	1,900,000	4,580,000	3,320,000	9,800,000
25	THPT Công Nghiệp	8,500,000	8,900,000	0,000	17,400,000
26	THPT Cao Phong	6,500,000	6,380,000	6,220,000	19,100,000
27	PT DTNT THPT tỉnh	10,500,000	10,350,000	10,550,000	31,400,000
28	THPT Ngô Quyền	4,500,000	1,550,000	0,000	6,050,000
29	PT DTNT THCS Cao Phong	3,800,000	4,040,000	4,160,000	12,000,000
30	PT DTNT THCS Lạc Thủy	2,800,000	3,180,000	2,820,000	8,800,000
31	PT DTNT THCS A Mai Châu	8,000,000	480,000	8,520,000	17,000,000
32	PT DTNT THCS Lạc Sơn	5,000,000	2,555,000	2,645,000	10,200,000
33	PT DTNT THCS Kim Bôi	6,500,000	4,190,000	3,510,000	14,200,000
34	PT DTNT THCS Tân Lạc	4,300,000	1,415,000	5,885,000	11,600,000
35	TT GDTX Tỉnh		2,020,000	9,880,000	11,900,000
36	TTGDTX Yên Thủy	2,400,000	46,000	4,954,000	7,400,000
37	TTGDTX Đà Bắc	2,300,000	2,560,000	2,340,000	7,200,000
38	TTGDTX Lạc Thủy	3,400,000	3,420,000	3,380,000	10,200,000
39	TTGDTX Cao phong	2,000,000	2,040,000	2,040,000	6,080,000
40	TTGDTX Lương Sơn		4,220,000	3,580,000	7,800,000
41	TTGDTX Thành Phố	3,500,000	2,470,000	0,000	5,970,000
42	TT Ngoại ngữ - Tin học	2,200,000	2,350,000	2,500,000	7,050,000
43	TTGDTX Mai Châu	2,400,000	2,600,000	2,500,000	7,500,000

44	Trường CĐSP		37,750,000	19,450,000	57,200,000
45	TT Kỹ thuật tổng hợp HN tỉnh	6,500,000	50,000	0,000	6,550,000
46	TH Kinh tế - Kỹ thuật	8,100,000	8,600,000	8,600,000	25,300,000
47	Công đoàn cơ quan Sở GD&ĐT	6,800,000	7,240,000	0,000	14,040,000
48	Công ty sách và thiết bị trường học				
	Cộng	259,600,000	244,036,000	233,134,000	736,770,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hương

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

DANH SÁCH
CẤP TIỀN MẶT KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN QUÝ III/2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1/2015	Đã cấp lần 2/2015	Cấp lần 3/2015	Tổng
1	THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	2,700,000	3,000,000	3,300,000	9,000,000
2	THPT Sào Báy - Kim Bôi	4,600,000	4,800,000	4,700,000	14,100,000
3	THPT Yên Hoà - Đà Bắc	2,100,000	2,140,000	2,360,000	6,600,000
4	THPT Yên Thủy C	4,100,000	4,180,000	3,720,000	12,000,000
5	THPT Lạc Thủy C	4,400,000	4,290,000	4,310,000	13,000,000
6	THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	4,700,000	20,000	10,680,000	15,400,000
7	THPT Lũng Vân - Tân Lạc		4,070,000	0,000	4,070,000
8	PT DTNT THCS B Mai Châu	7,000,000	60,000	7,140,000	14,200,000
9	PT DTNT THCS B Đà Bắc	2,500,000	2,540,000	2,460,000	7,500,000
10	CD trg THCS và THPT Ngọc Sơn	3,000,000	1,850,000	850,000	5,700,000
11	THPT Nam Lương Sơn	5,000,000	5,280,000	5,120,000	15,400,000
12	THPT Đà Bắc	4,800,000	4,780,000	4,720,000	14,300,000
13	PT DTNT THCS A Đà Bắc	3,800,000	1,250,000	5,850,000	10,900,000
14	PT DTNT THCS Yên Thủy	2,900,000	3,080,000	2,020,000	8,000,000
15	TTGDTX Kim Bôi	1,800,000	1,970,000	2,130,000	5,900,000
	Cộng	53,400,000	43,310,000	59,360,000	156,070,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thuý Hường



CHỦ TỊCH

Hà Đức Hạnh

